

GIẢI PHÁP XỬ LÝ NỢ XẤU TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

PGS., TS. Trâm Xuân Hương
Trường ĐH Kinh tế TP.HCM
ThS. Nguyễn Hồng Hà
ThS. Đỗ Công Bình

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng nợ xấu phát sinh trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam (NHTM) giai đoạn 2009-2012, phân tích chi tiết nguyên nhân phát sinh nợ xấu trong các tập đoàn nhà nước cũng như trong lĩnh vực bất động sản và chứng khoán... Với mục đích làm sáng tỏ mức độ và tính chất nghiêm trọng của nợ xấu trong hệ thống NHTM, nguyên nhân phát sinh nợ xấu như: hệ quả của gói kích cầu, các chính sách nới lỏng tín dụng cũng như công tác quản trị điều hành hệ thống NHTM được sử dụng trong thời gian... qua còn nhiều bất cập. Từ đó, đề xuất hai nhóm giải pháp xử lý nợ xấu từ Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và bản thân các NHTM phát sinh nợ xấu. Đây là tiền đề cơ bản thực hiện thành công tái cấu trúc hệ thống NHTM.

Từ khóa: Nợ xấu, tái cấu trúc hệ thống NHTM.

Đặt vấn đề

Từ khi đổi mới, hệ thống Ngân hàng Việt Nam chuyển sang mô hình 02 cấp, phát triển nhanh chóng và từng bước hội nhập quốc tế, phát huy vai trò kênh dẫn vốn lưu thông trong nền kinh tế thị trường. Hệ thống ngân hàng Việt Nam đóng góp lớn vào sự phát triển của đất nước với tổng giá trị tài sản đạt hơn hai lần so với GDP, trong đó, tổng vốn tín dụng tăng lên gần 116% GDP vào cuối năm 2010 và trên 102% vào cuối năm 2011 (UBGSTCQG, 2011). Năm 2012 tổng GDP tăng 5,03% tương đương 138 tỷ USD, trong khi đó dư nợ tín dụng tăng 8,91% tương đương 143,3 tỷ USD, tỷ lệ dư nợ tín dụng so với GDP là 104%.

Tuy nhiên cùng với bước phát triển nhanh đó, hoạt động ngân hàng tiềm ẩn nhiều rủi ro ngày càng lớn do tác động của các nhân tố bên ngoài như bất ổn vĩ mô, khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới, thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản suy thoái... và các

nhân tố bên trong NHTM: như quản trị rủi ro kém, quy trình tín dụng chưa hoàn chỉnh, đầu tư mạo hiểm, năng lực và đạo đức của nhân viên chưa đáp ứng yêu cầu, sở hữu chéo... Bên cạnh những rủi ro lãi suất, hối đoái, đạo đức... rủi ro về nợ xấu cần được xử lý hiệu quả trong điều kiện hiện nay. Kinh doanh ngân hàng không thể tránh khỏi nợ xấu, nhưng để nợ xấu tồn tại quá cao và kéo dài ở nội hay ngoại bảng là vấn đề nghiêm trọng cần phải giải quyết. Chính vì vậy, việc nghiên cứu nguồn gốc phát sinh nợ xấu giúp đề ra giải pháp, chính sách phù hợp nhằm điều tiết hoạt động tín dụng, xử lý triệt để và căn cơ vấn đề nợ xấu, lành mạnh hóa hệ thống tín dụng phù hợp với chuẩn mực quốc tế là cần thiết.

Thực trạng nợ xấu trong hệ thống ngân hàng thương mại

Bảng 1 cho thấy tỷ lệ nợ xấu ở các NHTM tăng rất nhanh trong giai đoạn 2010-2012, đặc biệt là năm 2012. Tính đến tháng 6/2012, nợ xấu tại các NHTM được NHNN công bố

Bảng 1: Nợ xấu tại NHTM

Thời gian	Nợ xấu (tỷ đồng)	Tổng dư nợ (tỷ đồng)	Tỷ lệ nợ xấu (%)	Tốc độ tăng (%)
2009	45.000	1.800.000	2,5	
2010	38.000	1.809.524	2,1	-16
2011	78.000	2.363.637	3,3	57,1
03/2012	202.000	2.348.837	8,6	-
06/2012	256.000	2.560.000	10	-
09/2012	240.000	2.727.273	8,8	-
12/2012	280.000	2.800.000	10	200,3

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ báo cáo NHNN

vào khoảng 256.000 tỷ đồng, tương đương 10% tổng dư nợ tín dụng toàn ngành, đến tháng 12/2012 tỷ trọng nợ xấu không đổi nhưng quy mô nợ xấu đã tăng đến khoảng 280.000 tỷ đồng, đạt đỉnh cao về nợ xấu tại Việt Nam.

Tuy nhiên, những con số tổng quan đó chưa phản ánh được toàn bộ bức tranh về nợ xấu của các NHTM, mà cần phải nhìn vào cơ cấu nợ xấu mới có thể thấy được nguyên nhân gốc rễ của nợ xấu để có hướng xử lý thích hợp.

Thứ nhất, nợ xấu tập trung vào các doanh nghiệp nhà nước. Đề án tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước của Bộ Tài chính năm 2012 nêu rõ dư nợ của 80/96 tập đoàn, tổng công ty nhà nước đến cuối 2010 là 872.860 tỷ đồng, bằng 1,6 lần vốn chủ sở hữu. Tính đến tháng 9/2011 dư nợ cho vay của các doanh nghiệp nhà nước lớn tại các NHTM đạt trên 415.000 tỷ đồng, tương đương gần 17% tổng dư nợ tín dụng tại các ngân hàng (nợ vay của 12 tập đoàn kinh tế nhà nước lên đến gần 218.740 tỷ đồng) điển hình như: Tập đoàn Dầu khí (PVN - 72.300 tỷ), Điện lực (EVN - 62.800 tỷ đồng), Than và khoáng sản (Vinacomin - 19.600 tỷ đồng). Với số liệu trên, nợ xấu của các tập đoàn, tổng công ty trong hệ thống ngân hàng sẽ chiếm tới 30-35% tổng dư nợ của khối này (Vũ Hạnh, 2012).

Như vậy, các NHTM đã tập trung cho vay quá nhiều vào các doanh nghiệp nhà nước, trong khi các đơn vị này đầu tư ngoài ngành tràn lan, không kiểm soát dẫn đến kinh doanh không hiệu quả. Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến nợ xấu như hiện nay.

Thứ hai, nợ xấu chủ yếu là nợ có tài sản đảm bảo. Theo số liệu tính đến cuối tháng 5/2012 của Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng, 84% nợ xấu của hệ thống ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp và tổng giá trị của các tài sản thế chấp này bằng 135% giá trị nợ xấu (NHNN, 2012). Nhưng trong thực tế việc giải quyết tài sản đảm bảo này đang gặp nhiều khó khăn, trong đó có khung pháp lý về xử lý tài sản bảo đảm. Khâu này mất nhiều thời gian và chi phí do các tranh chấp, bất đồng về lợi ích giữa các bên liên quan đến thủ tục tố tụng như: cách thức định giá trị tài sản phát mãi, quy trình đấu giá, thủ tục, tính hợp lý, hợp pháp của loại tài sản... Khó khăn trong xử lý tài sản thu hồi nợ dẫn đến việc xử lý nợ xấu còn phức tạp và gian nan.

Thứ ba, nợ xấu tập trung vào bất động sản và chứng khoán là hai lĩnh vực hiện thời đang có tính thanh khoản kém. Bất động sản và chứng khoán là hai lĩnh vực nhạy cảm với sự thay đổi về kinh tế vĩ mô. Vì vậy, việc thị trường bất động sản đóng băng trong nhiều năm qua và sự sụt giảm của thị trường chứng khoán đã tác động không nhỏ đến khả năng trả nợ cho các khoản đầu tư vốn cho hai lĩnh vực nêu trên. Dư nợ xấu trong lĩnh vực bất động sản tính đến 31/10/2012 được công bố khoảng 28.000 tỷ đồng, dư nợ xấu chiếm 13,5% (Lê Chi, 2012) cao hơn tỷ lệ nợ xấu chung rất nhiều. Số liệu về nợ xấu của hai lĩnh vực này còn chưa thống nhất, cập nhật. Chính vì vậy, nợ xấu trong hai lĩnh vực này cần phải đánh giá một cách khách quan và thực chất để có giải pháp căn cơ, để quyết

định xem có nên hỗ trợ các doanh nghiệp bất động sản, kịp thời tạo đòn bẩy kích thích sự “rã băng” của bất động sản cũng như sự “ấm lên” của thị trường chứng khoán nhằm tạo điều kiện giải quyết nợ xấu.

Ngoài nguyên nhân nền kinh tế thế giới suy thoái, nền kinh tế trong nước bị ảnh hưởng dẫn đến hàng tồn kho cao, các doanh nghiệp không có khả năng trả nợ, số liệu về tổng nợ xấu và nợ xấu trong các lĩnh vực đặc thù đã đề cập ở trên còn cho thấy nợ xấu tăng nhanh trong giai đoạn 2009-2012 là hậu quả của: (i) Nền kinh tế tăng trưởng cao với chính sách tiền tệ nới lỏng trước năm 2007, chính sách kích cầu nhằm giảm tác động của suy giảm kinh tế năm 2009; (ii) Các ngân hàng chưa coi trọng đúng mức hoạt động quản trị. Một số tổ chức tín dụng nóng vội áp dụng chiến lược tăng trưởng tín dụng nhanh trong khi năng lực quản trị rủi ro còn nhiều hạn chế và chậm cải thiện, đặc biệt là các NHTM cổ phần mới chuyển đổi từ nông thôn lên đô thị dẫn đến tốc độ nợ xấu tăng nhanh hơn tốc độ tăng của dư nợ tín dụng (Vũ Minh, 2012)... Cụ thể, việc quản trị, điều hành hoạt động tín dụng tại một số tổ chức tín dụng còn bất cập như: công tác thẩm định, quyết định cho vay, kiểm tra sử dụng vốn vay, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh của khách hàng chưa được thực hiện tốt từ đó dẫn đến tình trạng không quản lý chặt chẽ các khoản vay dẫn đến sử dụng vốn sai mục đích. Khâu phân tích, đánh giá, phân loại khách hàng, lĩnh vực kinh doanh chưa sát với thị trường để có biện pháp ứng xử kịp thời. Việc đánh giá tài sản đảm bảo cao hơn giá trị thực tế, nhận tài sản đảm bảo không đầy đủ tính pháp lý, đang tranh chấp dẫn tới khó xử lý, phát mại hoặc khi phát mại được thì giá trị thu hồi thấp.

Giải pháp xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

Để hỗ trợ thanh khoản giảm thiểu khó khăn cho các doanh nghiệp, có thể thực hiện: (i) Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, các khoản phí, lệ phí... hoặc giãn thời gian nộp thuế, phí và lệ phí đối với các doanh nghiệp, hỗ trợ đào tạo,

xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường đầu ra, ổn định nguyên vật liệu đầu vào, ưu đãi đầu tư... giúp doanh nghiệp phát huy nội lực vượt qua khó khăn và ổn định kinh doanh để trả nợ; (ii) Mạnh dạn cơ cấu nợ, giãn thời gian trả nợ hoặc khoan nợ cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp duy trì được thanh khoản và nguồn vốn nhất định đáp ứng nhu cầu hoạt động. Mặc dù, đây là phương án chỉ đơn thuần kéo giãn thời gian trả nợ nhưng có tác động tích cực giúp doanh nghiệp dần ổn định hoạt động để có cơ hội vượt qua khó khăn đủ khả năng trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng; (iii) Cần đẩy nhanh hạ lãi suất cho vay không chỉ cho các món vay mới mà còn cho toàn bộ các món vay cũ, đặc biệt là nên mở rộng các đối tượng và ngành nghề được hỗ trợ chứ không riêng các lĩnh vực xuất khẩu, nông nghiệp, công nghiệp phụ trợ và không chỉ “trên cơ sở khả năng tài chính, xem xét giảm lãi suất cho vay” như Thông báo số 198/TB/NHNN ngày 09/7/2012. Việc giảm lãi suất cho vay có tác dụng đối với nhiều doanh nghiệp trên thị trường, đặc biệt giảm gánh nặng chi phí vốn, kích thích các doanh nghiệp duy trì quy mô sản xuất cũ và có thể xây dựng thêm nhà xưởng mới hoặc mua thêm máy móc thiết bị mới, mở rộng năng lực sản xuất.

Để nâng cao năng lực quản trị của các ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng trong diện phải tái cấu trúc, nhóm tác giả đề nghị chỉnh sửa Dự thảo Thông tư của NHNN hướng dẫn Nghị định thay thế Nghị định 69/2007/NĐ-CP ngày 20/4/2007 về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của NHTM theo hướng “Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài đó vượt quá 30%, cụ thể cho phép một số ngân hàng nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh, quản trị kinh doanh tốt mua lại những ngân hàng có quản trị yếu kém, tỷ lệ nợ xấu cao hoặc NHNN không chỉ khuyến khích các NHTM thật sự mạnh mua lại những ngân hàng yếu kém mà còn đề xuất xây dựng hành lang pháp lý thúc đẩy thực hiện các giải pháp tái cơ cấu theo đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015” (theo Quyết định 254/QĐ-Ttg ngày 01/3/2012).

Để giải quyết vấn đề nợ xấu một cách căn cơ và lâu dài cần: (i) Minh bạch, công khai, các số liệu nợ xấu, đặc biệt là phải nắm rõ nợ xấu đang nằm tại đâu, cụ thể là nắm vững ngành nghề cho vay nào đang chiếm tỷ trọng nợ xấu cao thì cần xử lý ngay, các tập đoàn nào làm ăn không hiệu quả vay nợ nhiều, nợ tồn đọng cao cần có phương án cổ phần hóa và tái cấu trúc ngay lập tức; (ii) Minh bạch cơ cấu giá thành bất động sản, xác định lại giá bán bất động sản phù hợp với khả năng tài chính của người mua để loại bỏ ngay những tiêu cực, đầu cơ trục lợi đồng thời quyết định có thật sự cần thiết phải khai thông luồng tín dụng bất động sản, cách thức tiến hành, đối tượng tiếp nhận ưu đãi.

Để xử lý các khoản nợ xấu có hai trường hợp: (i) Những khoản nợ xấu phát sinh do lỗi chủ quan từ phía các NHTM như: không tuân thủ quy trình, quy chế cho vay, quản lý yếu kém trước, trong và sau khi cho vay... đồng lõa để người vay sử dụng vốn sai mục đích, NHTM có tình bỏ qua những quy định để cho vay các lĩnh vực nhiều rủi ro như: chứng khoán, bất động sản... Ngân hàng phải tự xử lý nợ xấu bằng chính năng lực tài chính của mình, làm sạch bảng cân đối kế toán, bởi vì ngân hàng cũng là một chủ thể, một pháp nhân trong nền kinh tế, họ phải trả giá cho những quyết định mạo hiểm, cho các sai sót trong kinh doanh của chính họ;

(ii) Các khoản nợ xấu do nguyên nhân khách quan, tức là các NHTM áp dụng đúng quy trình thẩm định khi cho vay, quản lý rủi ro tốt, cho vay đúng mục đích, đánh giá giá trị tài sản thế chấp phù hợp theo giá thị trường và theo quy định pháp lý, cần học hỏi kinh nghiệm xử lý nợ xấu của các nước như Trung Quốc (Xu, 2005), Hàn Quốc (Dong, 2004)... Về lâu dài cần nghiên cứu đưa ngành bảo hiểm tham gia chia sẻ rủi ro tín dụng với ngân hàng. Cần sớm áp dụng cơ chế hạch toán kế toán của ngân hàng tiếp cận các chuẩn mực quốc tế để ngân hàng tự quyết định cơ chế xử lý rủi ro thích hợp và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Kết luận

Việt Nam phải tái cấu trúc hệ thống NHTM để khắc phục những yếu kém trong hệ thống, lành mạnh hóa toàn bộ hệ thống ngân hàng, đặc biệt là giảm rủi ro tín dụng, giảm tỷ lệ nợ xấu, tăng tính thanh khoản và tăng khả năng quản trị rủi ro đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn, thông suốt. Muốn vậy, cơ cấu lại hệ thống NHTM phải được đặt trong một chương trình tổng thể với những nguyên tắc nhất quán, có lộ trình cơ cấu phải cụ thể, khả thi gắn liền với tái cơ cấu nền kinh tế, đặc biệt là cơ cấu lại các doanh nghiệp và cơ cấu lại đầu tư tại Việt Nam■

Tài liệu tham khảo

1. Dong, H. (2004). *The Role of KAMCO in resolving nonperforming loans in the Republic of Korea*. IMF working paper.
2. Lê Chi (2012), *Nợ xấu bất động sản 28.000 tỷ đồng*, <http://ebank.vnexpress.net/gl/ebank/tin-tuc/2012/12/no-xau-bat-dong-san-28-000-ty-dong/>.
3. Lê Chi (2012). *Nợ xấu bất động sản 28.000 tỷ đồng*. <http://ebank.vnexpress.net/gl/ebank/tin-tuc/2012/12/no-xau-bat-dong-san-28-000-ty-dong/>.
4. Ngân hàng Nhà nước (2012). *Thông cáo báo chí ngày 06/7/2012 về điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng 6 tháng đầu năm, giải pháp trong 6 tháng cuối năm 2012*.
5. Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia (2011). *Báo cáo triển vọng kinh tế Việt Nam 2012-2013*.
6. Vũ Hạnh (2012). *Nợ xấu của DNNN chiếm 70% toàn hệ thống*. <http://vov.vn/Kinh-te/No-xau-cua-DNNN-chiem-70-toan-he-thong/227019.vov>.
7. Vũ Minh (2012). *Thống đốc lý giải nợ xấu cao*. <http://uneconomy.vn/20120820115354439POC6/thong-doc-ly-giai-no-xau-cao.htm>.
8. Xu, M. (2005). *Resolution of Non-Performing Loans in China*. The Leonard N. Stern School of Business, Glucksman Institute for Research in Securities Markets, April 1, 2005.